

TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ NGÀNH: GIÁO DỤC¹

Lộ trình của ngành

1. Kết quả hoạt động, các vấn đề và các cơ hội

1. **Bối cảnh đất nước.** Ở Việt Nam, giáo dục được coi là có mối liên hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế và luôn là ưu tiên hàng đầu trong đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội dài hạn. Mục tiêu trọng tâm của giáo dục là nhanh chóng phát triển nguồn nhân lực để phục vụ nhu cầu lao động của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh cao nhưng vẫn đảm bảo công bằng ở mức độ cao. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong thời gian qua, cơ cấu nền kinh tế cũng như các yêu cầu về trình độ và tay nghề lao động đã có sự thay đổi. Điều này đòi hỏi sự dịch chuyển liên tục từ sản xuất đơn giản sử dụng lao động chân tay sang áp dụng công nghệ tiên tiến, hệ thống quản lý và công cụ sản xuất hiện đại.

2. **Bối cảnh thị trường lao động.** Lực lượng lao động tăng từ 39 triệu năm 2000 lên 47 triệu vào năm 2010. Trong đó lao động nữ chiếm đến 48%. Trong Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu gần đây nhất, Việt Nam xếp thứ 11 trong 134 nước về tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động.² Có rất nhiều vấn đề cấp bách mà Việt Nam phải đặc biệt chú ý để duy trì và cải thiện năng lực cạnh tranh trong khu vực. Nếu xu hướng hiện nay vẫn tiếp tục, tới năm 2015 Việt Nam được dự báo là sẽ có một lực lượng lao động 52,8 triệu trong độ tuổi từ 15 đến 60. Hiện nay, hàng năm có 1,3 triệu lao động chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, tạo ra nhu cầu đào tạo nghề rất lớn đối với các lao động nông nghiệp này. Nhìn chung, lao động Việt Nam có tay nghề hạn chế. Việc làm không chính thức (ví dụ: trong nông nghiệp, các hộ kinh doanh chính thức và phi chính thức, các doanh nghiệp trong nước) chiếm tỉ lệ lớn, khoảng 85-90% lực lượng lao động của Việt Nam.

3. **Cơ cấu hệ thống giáo dục.** Mặc dù có nhiều cơ sở đào tạo, giáo dục, chỉ có hai bộ đóng vai trò chủ đạo trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực này trên toàn quốc. Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quản lý giáo dục mầm non, tiểu học, trung học, đại học. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) quản lý đào tạo và dạy nghề với trọng tâm là đào tạo nghề và kỹ thuật cho người học để tham gia vào lực lượng lao động. Bộ GD&ĐT quản lý chương trình giáo dục mầm non cho trẻ ở độ tuổi 3-5, giáo dục tiểu học 5 năm cho trẻ từ 6 tuổi trở lên, và tiếp sau đó là giáo dục trung học. Giáo dục trung học có trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 9 cho học sinh ở độ tuổi 12-15, phổ thông trung học từ lớp 10 đến lớp 12, và ngoài ra có bậc giáo dục trung học chuyên nghiệp từ lớp 10 đến lớp 12 hoặc 13, tập trung vào đào tạo kỹ thuật và nghề. Như vậy, Bộ GD&ĐT quản lý ¼ các chương trình đào tạo kỹ thuật và nghề thông qua các trường trung học chuyên nghiệp, các chương trình còn lại do Bộ LĐTBXH quản lý và được thực hiện bởi các cơ sở đào tạo, dạy nghề thuộc các bộ, các doanh nghiệp nhà nước, các chính quyền địa phương và các cơ sở tư nhân.

4. **Các thành tựu đạt được trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội, 2006-2010.** Kết quả đạt được trong giáo dục và đào tạo của Việt Nam rất ấn tượng. Chất lượng chung của giáo dục và đào tạo đã được cải thiện; tiêu chuẩn chất lượng giáo viên và bằng cấp chuyên môn đã được nâng cao; giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng; phương pháp giáo dục lấy học viên làm trung tâm đã được áp dụng; một cơ quan độc lập về kiểm định cơ sở giáo dục, đào tạo đã được thành lập; cơ hội học tập được mở rộng cho trẻ em gái, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em nghèo, trẻ em tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; mở rộng hỗ trợ cho sinh viên có hoàn

¹ Bản tóm tắt này dựa trên Báo cáo Đánh giá, Chiến lược và Lộ trình Phát triển Ngành Giáo dục và Đào tạo. Có thể cung cấp khi có yêu cầu.

² Diễn đàn Kinh tế Thế giới. 2010. *Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2010-2011*. Geneva.

cảnh khó khăn trong các trường đào tạo nghề, đại học; nhiều trường đại học đã có những chương trình đào tạo đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế.³ Ngân sách nhà nước cho giáo dục tăng từ 15,5% (trong tổng chi tiêu công) năm 2007 lên 20,0% năm 2007 và giữ tại mức đó đến năm 2010. Số lượng các cơ sở giáo dục bán công và tư nhân tăng mạnh. Trong năm học 2007/08, có 6,000 trường mầm non công lập (chiếm 52%) and 64 trường đại học, cao đẳng ngoài công lập (chiếm 17%). Năm 2010, 16% học sinh theo học ở các trường ngoài công lập, tăng từ 12% vào năm 2000.

5. Một số hạn chế quan trọng của ngành giáo dục. Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2011-2015 đã xác định một số hạn chế của hệ thống giáo dục Việt Nam: (i) hệ thống giáo dục quốc gia không toàn diện và thiếu sự liên kết chiến lược giữa các bậc giáo dục; (ii) chương trình học và sách giáo khoa quá nặng; (iii) điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo rất nghèo nàn, trong khi đó chất lượng giáo dục ở các vùng xa và dân tộc thiểu số nằm dưới mức trung bình của cả nước; (iv) đào tạo nghề không đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, trong khi các doanh nghiệp tư nhân, các khu công nghiệp, làng nghề chưa được huy động vào công tác đào tạo nghề; (v) chất lượng các chương trình khoa học thấp, chỉ một vài kết quả nghiên cứu được áp dụng trong sản xuất và cuộc sống; và (vi) có quá ít công ty tư nhân đầu tư vào công nghệ cao, cơ chế đầu tư cơ bản vào khoa học và công nghệ không linh hoạt, điều kiện làm việc trong rất nhiều cơ sở nghiên cứu rất nghèo nàn không hấp dẫn được những cán bộ nghiên cứu trẻ tuổi và có năng lực.

6. Có 4 nguyên nhân chính: (i) chất lượng và tính phù hợp thấp, (ii) khả năng tiếp cận không công bằng, (iii) yếu kém trong quản lý giáo dục và quản lý nhà nước, và (iv) nguồn vốn và đầu tư vào giáo dục không thỏa đáng. Chất lượng kém và không phù hợp là do các bất cập trong các cơ chế xây dựng chương trình và kiểm tra, đánh giá; do thiếu đội ngũ giáo viên, giảng viên ở mọi cấp học; do hoạt động dạy nghề và giáo dục đại học thiếu sự gắn kết với doanh nghiệp; do tỷ lệ đăng ký đầu vào thấp đối với các nghề mà thị trường lao động đang có nhu cầu cao; và do việc giáo dục và đào tạo còn coi nhẹ các kỹ năng thực tế, và không khuyến khích được tư duy sáng tạo và độc lập. Khả năng tiếp cận không công bằng phần nào là do những rào cản về văn hóa và kinh tế đối với trẻ em khuyết tật và dân tộc thiểu số từ bậc học phổ thông, do hạn chế trong việc đưa trẻ em bỏ học quay lại trường, do sự bất bình đẳng trong tiếp cận các chương trình đào tạo nghề và đào tạo bậc đại học. Công tác quản lý giáo dục và quản lý nhà nước yếu kém chủ yếu là do thiếu kiểm soát chất lượng đối với cả các cơ sở giáo dục tư nhân và giáo dục công, cơ chế quản lý phức tạp và manh mún trong đào tạo nghề, các thiết chế quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học quá cứng nhắc và tập trung quyền lực. Cơ chế nguồn vốn và đầu tư không thỏa đáng, đặc biệt ở các cấp cao hơn trong hệ thống, là do mức phân bổ ít ỏi trong ngân sách thường xuyên, định mức chi tiêu không hợp lý trong các chương trình đào tạo kỹ năng, ngân sách cho nghiên cứu và phát triển ở bậc giáo dục đại học quá ít, trách nhiệm tư nhân đối với chi phí cho giáo dục đại học còn thấp, sự tham gia của tư nhân trong cung ứng giáo dục còn hạn chế.

2. Chiến lược Giáo dục của Chính phủ

7. Phát triển Chiến lược Giáo dục, 2011–2020 (dự thảo). Các chỉ tiêu chính của chiến lược là (i) tỷ lệ nhập học tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi là 99%; (ii) tỷ lệ theo học tại bậc trung học phổ thông hoặc tương đương là 80%; (iii) tỷ lệ hoàn thành tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông là 90%; (iv) đào tạo nghề cho 60% lực lượng lao động; (v) chi ngân sách chiếm 21% trong tổng chi cho giáo dục; (vi) học sinh trung học phổ thông được trang bị các môn kiến thức, kỹ năng học tập suốt đời, hiểu biết chung về khoa học và công nghệ, hướng

³ Chính phủ Việt Nam. 2011. *Kế hoạch phát triển Kinh tế-Xã hội 2011–2015*. Hà Nội

nghiệp, và thành thạo ngoại ngữ; (vii) cải tiến chất lượng giáo dục thường xuyên thông qua các chương trình giảng dạy đa dạng; (viii) tỷ lệ trẻ em khuyết tật được đến trường là 70%; (ix) tất cả các học sinh từ lớp 3 trở lên được học ngoại ngữ; và (x) tăng cường giáo dục năng khiếu. Mục tiêu với giáo dục đại học là (i) xây dựng một số trường đại học lớn thành các trung tâm khoa học cho đất nước thông qua tăng thu nhập từ sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ lên đến 15% tổng thu từ giáo dục đại học năm 2010 và 25% vào năm 2020; (ii) tăng tỷ lệ sinh viên trên 1 vạn dân từ 200 sinh viên năm 2010 lên đến 450 sinh viên vào năm 2020; (iii) tăng tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ thạc sỹ hoặc tương đương từ 40% năm 2010 lên đến 60% năm 2020; (iv) tăng tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ tiến sỹ hoặc tương đương từ 25% năm 2010 lên đến 35% năm 2020; và (v) đến năm 2020 giảm tỷ lệ sinh viên/ giảng viên xuống còn 20/1.

8. Quy hoạch Tổng thể Giáo dục Trung học, 2011–2015 đã được xây dựng với sự giúp đỡ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và một số đối tác khác.⁴ Một quy hoạch mới được đề ra cho giai đoạn 2011–2015 phù hợp với Định hướng Phát triển Chiến lược Giáo dục 2011–2020. Quy hoạch mới này sẽ đưa ra phân tích sâu sắc về giáo dục trung học ở các nội dung (i) cơ sở vật chất trường học, trang thiết bị, sách giáo khoa; (ii) chất lượng giáo viên trung học; (iii) cập nhật và đổi mới chương trình giảng dạy; (iv) kiểm tra, học tập; (v) thời lượng giảng dạy; (vi) trách nhiệm giải trình và tiêu chuẩn dạy và học ở cấp trung học; (vii) qui trình ngân sách cho giáo dục; (viii) nhu cầu nguồn vốn ở cấp trường; (ix) phân bổ chi thường xuyên và chi đầu tư; (x) các công cụ dự báo ngân sách; (xi) tổng chi cho giáo dục; (xii) cơ cấu chi giáo dục chia theo cấp học; (xiii) cơ cấu kinh tế của chi phí giáo dục; (xiv) dự toán ngân sách và dự toán chi cho giáo dục; (xv) dự báo tổng chi tiêu công cho giáo dục; (xvi) dự báo chi cho giáo dục trung học; (xvii) dự báo nhu cầu đối với giáo dục trung học và dự toán đơn giá; (xviii) kế hoạch tài chính giáo dục; (xix) đánh giá các rủi ro đối với sự bền vững; và (xx) kiến nghị chính sách về chiến lược mới đối với phí và lệ phí trường học.

9. **Chiến lược Phát triển Dạy nghề, 2011–2020.** Chiến lược Phát triển Dạy nghề đưa ra các mục tiêu tổng quát và cụ thể, nhiệm vụ chiến lược và 9 nhóm giải pháp (cũng như các hướng dẫn thi hành chung và hướng dẫn tài chính). Các nhóm giải pháp gồm (i) cải thiện nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của đào tạo nghề, (ii) mở rộng quy mô và cơ cấu đào tạo nghề, (iii) đảm bảo chất lượng đào tạo được nâng cao nhằm đạt được sự đột phá trong đào tạo công nhân kỹ thuật, (iv) xây dựng các tiêu chuẩn trong đào tạo nghề, (v) huy động doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nghề, (vi) tăng cường các nguồn lực huy động cho đào tạo nghề, (vii) tăng cường quản lý đào tạo nghề, (viii) đảm bảo các nguồn lực cho phát triển đào tạo nghề, và (ix) xúc tiến hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề. Chiến lược này có đưa ra một chương trình hành động rất lớn. Ưu tiên trước nhất là phát triển đào tạo các nghề công nghệ cao nhằm đem lại lợi ích lớn cho nền kinh tế, nhưng cũng không quên phát triển đào tạo nghề cho các vùng khó khăn và cho những người nghèo. Đấy chính là 2 nhiệm vụ chiến lược chính, dựa trên tầm quan trọng của việc đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp và sự tham gia của khu vực tư nhân vào việc cung cấp các kỹ năng cần thiết cho tăng trưởng kinh tế.

10. **Chiến lược và chính sách giáo dục đại học.** Chương trình Đổi mới Giáo dục Đại học của chính phủ giai đoạn 2006–2020 là một nỗ lực cải tổ tham vọng nhất cho tới nay. Nó minh chứng cam kết của chính phủ với giáo dục đại học. Chương trình đổi mới này nhằm tới việc nâng cao tiếp cận và chất lượng đồng thời củng cố nền móng thể chế của hệ thống giáo dục đại học. Chương trình hành động đặt ra mục tiêu mở rộng quy mô của hệ thống giáo dục đại học, tăng gấp 3 đến 4 lần so với hiện nay và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân. Ngoài ra, nó cũng khuyến khích các trường chú trọng vào công tác nghiên cứu và gắn kết tốt hơn với các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng giáo dục đại học. Mặc dù đề ra một loạt mục tiêu

⁴ ADB. 2005. *Hỗ trợ Kỹ thuật cho CHXHCN Việt Nam để xây dựng quy hoạch và hợp tác trong giáo dục trung học*. Manila.

cho giáo dục đại học, nhưng chương trình không nêu cụ thể cách thức triển khai, điều đó có thể làm ảnh hưởng xấu đến khả năng thực hiện.

3. Kinh nghiệm và các chương trình hỗ trợ ngành của ADB

11. **Bài học rút ra từ các dự án đã hoàn thành.** Hai dự án vay cho giáo dục trung học và một dự án vay cho đào tạo nghề đã thực hiện xong. Các bài học quan trọng và kinh nghiệm thực tế rút ra từ các dự án trên, được phản ánh trên báo cáo hoàn tất dự án, gồm (i) đảm bảo nguồn vốn đầy đủ cho vận hành và duy trì, (ii) phối hợp tốt hơn với các đối tác phát triển, (iii) xây dựng năng lực trong dài hạn, (iv) tập trung vào kết quả, (v) xác định đối tượng theo địa bàn địa lý và ưu tiên cho người nghèo, và (vi) hạn chế tối thiểu sự chậm trễ trong thực thi.

12. **Danh mục đầu tư hiện thời.** ADB hiện đang có một danh mục các dự án đầu tư vào giáo dục với số vốn hỗ trợ 517 triệu USD, bao gồm các dự án sau: (i) Phát triển Giáo dục Trung học Phổ thông (55 triệu USD); (ii) Phát triển Giáo dục Trung học Cơ sở (55 triệu USD); (iii) Phát triển Đội ngũ Giáo viên cho Trung học Phổ thông và Chuyên nghiệp (34 triệu USD); (iv) Hỗ trợ Giáo dục Trung học Cơ sở cho các vùng đặc biệt khó khăn (50 triệu USD); (v) Phát triển Giáo dục Trung học (60 triệu USD); (vi) Bồi dưỡng kỹ năng (70 triệu USD); (vii) Xây dựng một trường Đại học kiểu mẫu mới (190 triệu USD), và (viii) hai chương trình được tài trợ từ Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản với tổng ngân sách là 3 triệu USD.

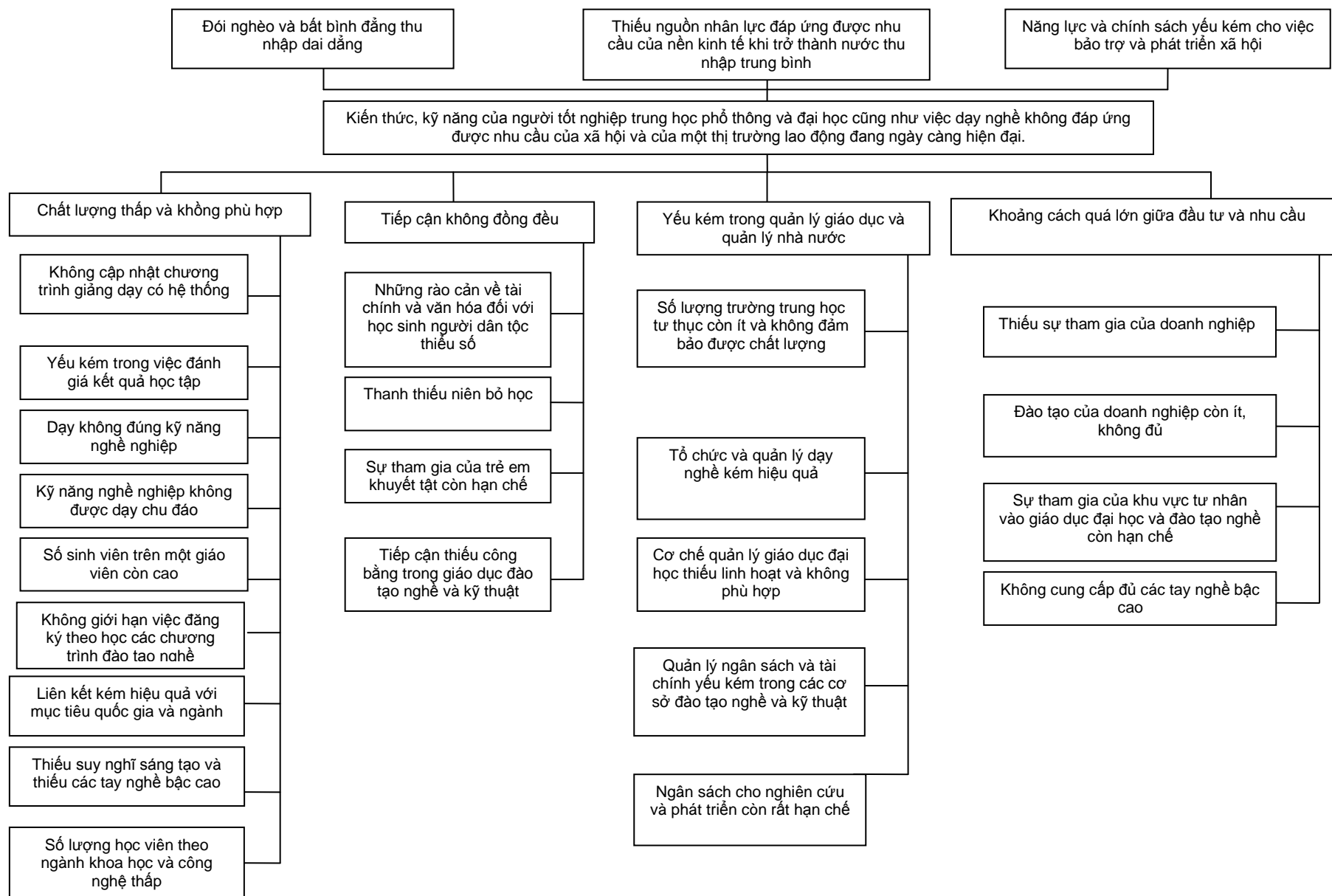
13. **Chiến lược tương lai.** Việt Nam đang trên con đường công nghiệp hóa mạnh mẽ và hiện tại đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Tuy nhiên, so với các nước láng giềng, nền kinh tế Việt Nam vận hành không hiệu quả, năng suất lao động thấp. Năng lực cạnh tranh có thể được cải thiện bằng cách tăng năng suất và khắc phục tình trạng thiếu lao động có tay nghề, đặc biệt trong các ngành có nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài – nhà đầu tư thường than phiền về việc thiếu lao động lành nghề, lao động bậc cao, và nhân lực quản lý. Ngoài ra, Việt Nam cần nâng cao tính hiệu quả bằng cách dịch chuyển sang các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng tri thức cao hơn. Đồng thời, cần có các giải pháp đảm bảo rằng công nghiệp hóa ngày càng tăng và nâng cao hiệu quả kinh tế không được làm nới rộng bất bình đẳng trong xã hội. Đẩy mạnh việc nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh phải cân bằng với việc đẩy mạnh phát triển xã hội, tạo sự tăng trưởng hòa nhập.

14. Hỗ trợ của ADB vào lĩnh vực giáo dục đã phản ánh quá trình phát triển của Việt Nam. Hỗ trợ ban đầu nhằm vào giáo dục cơ bản và phát triển kỹ năng ở mức trung bình. Sự thành công trong giáo dục cơ bản là nền tảng cho hệ thống đào tạo nghề hiện đại. Tuy nhiên, một việc lớn cần tiếp tục là cải tiến chất lượng và sự phù hợp ở mọi cấp độ. Chính phủ và các doanh nghiệp đã nhận thấy tình trạng thường xuyên thiếu hụt lao động có tay nghề và quyết tâm cải thiện để hệ thống giáo dục đào tạo đáp ứng tốt hơn đối với đòi hỏi ngày một thay đổi của thị trường lao động.

15. ADB đang đẩy mạnh trọng tâm hỗ trợ vào các cấp cao hơn trong hệ thống giáo dục và sự chuyển giao các kỹ năng nghề cao cấp hơn. Mục tiêu là trang bị cho học sinh, sinh viên những kỹ năng thông thường cần có để hoạt động hiệu quả trong một xã hội công nghiệp hóa nhanh chóng với các công sở và nhà máy đều có sự thay đổi, cùng với sự phát triển đội ngũ nhân lực tay nghề bậc cao cho các ngành công nghệ cao và xây dựng năng lực nghiên cứu và sáng tạo. Đầu tư tương lai của ADB sẽ tập trung vào giáo dục trung học phổ thông, cao đẳng dạy nghề và giáo dục đại học, tập trung vào đáp ứng phù hợp các nhu cầu của xã hội và thị trường lao động. Một biện pháp đang được xúc tiến là tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và doanh nghiệp trong lập kế hoạch và cung cấp đào tạo. Đồng thời, tập trung vào sự hòa nhập để duy trì công bằng xã hội và bình đẳng giới - về vấn đề này ADB hỗ trợ rất đáng kể

thông qua giáo dục cơ bản và xóa bỏ những thiệt thòi trong xã hội.

Cây phân tích vấn đề cho ngành giáo dục



Khung Kết quả Ngành Giáo dục (2011–2015)

| Các kết quả của ngành ở cấp quốc gia | | Các đầu ra của ngành ở cấp quốc gia | | Các đầu vào của ADB cho ngành | |
|---|--|---|---|---|--|
| Các kết quả với sự đóng góp của ADB | Các chỉ số với mục tiêu và cơ sở | Các đầu ra với sự đóng góp của ADB | Các chỉ số với mục tiêu | Các can thiệp dự kiến và can thiệp đang triển khai của ADB | Các đầu ra quan trọng dự kiến từ sự can thiệp của ADB |
| Kiến thức và kỹ năng của người tốt nghiệp trung học phổ thông và đại học, cũng như việc dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của xã hội và thị trường lao động ngày càng hiện đại. | Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia vào PISA đến năm 2015. Tỷ lệ tham gia vào thị trường lao động của người tốt nghiệp trung học phổ thông tăng từ 15% trong năm học 2010/11 lên 20% trong năm học 2014/15. Số lượng học viên tốt nghiệp của 15 chương trình đào tạo nghề tăng thêm 20% vào năm 2015, trong đó 30% là nữ (lấy số liệu năm học 2010/11 làm mốc) | Cải thiện được chất lượng và sự phù hợp | Đến năm 2015, 85% giáo viên trung học được đánh giá đạt chuẩn mới (năm gốc 2009 là 75%) Đến năm 2020, tăng 20% số lượng lao động có kỹ năng Đến năm 2020, tăng mức độ hài lòng người sử dụng lao động đối với kiến thức, kỹ năng, thái độ của người lao động từ các trường cao đẳng dạy nghề 80% sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được nhu cầu công việc, trong đó ít nhất 5% đủ tiêu chuẩn ngang bằng với sinh viên giỏi của các trường đại học hàng đầu ASEAN Đến năm 2020, Việt Nam trở thành một trong 50 nước dẫn đầu trong khả năng cạnh tranh nguồn nhân lực | (i) Các lĩnh vực hoạt động chính theo dự kiến và các dự án trong tương lai Trung học phổ thông (37.5% nguồn vốn); Giai đoạn 2 (90 triệu USD) Trung học cơ sở (33,3% nguồn vốn); Giáo dục Trung học Cơ sở cho các Vùng đặc biệt khó khăn (Giai đoạn 2) (80 triệu USD) Trung học Kỹ thuật và Dạy nghề (29,2% tổng vốn); Tăng cường kỹ năng (Giai đoạn 2) (70 triệu USD) (ii) Các dự án đang triển khai với trị giá đã được phê duyệt Phát triển đội ngũ giáo viên cho giáo dục THPT và Trung học chuyên nghiệp (34 triệu USD) Giáo dục Phổ thông Cơ sở cho các Vùng đặc biệt khó khăn (50 triệu USD) Chương trình Phát triển Giáo dục Trung học Phổ thông (60 triệu USD) Phát triển Trường Đại học Khoa học và Công nghệ tại Hà Nội (190 triệu USD) Bồi dưỡng kỹ năng (70 triệu USD, bắt đầu thực hiện năm 2010) | (i) Những lĩnh vực hoạt động chính theo dự kiến Đến năm 2015, 90% chương trình giảng dạy trung học phổ thông được đổi mới và đảm bảo tính nhạy cảm về giới Tỷ lệ học sinh theo học trung học cơ sở tăng từ 82% năm 2011 lên 85% năm 2015, trong đó 48% là học sinh nữ (ii) Các dự án đang triển khai Đến năm 2015, 40% giáo viên chưa đạt chuẩn phải được đào tạo nâng cao, trong đó 50% là nữ Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia PISA, và đến PISA năm 2015 trình độ trung bình của học sinh tốt nghiệp lớp 12 ở Việt Nam phải được cải thiện so với kết quả trong PISA năm 2012 42.000 giáo viên Trung học Phổ thông đã được đào tạo, trong đó 50% là nữ Đến năm 2015, tăng 20% học viên tốt nghiệp 15 chương trình đào tạo nghề, trong đó 30% là nữ 85% học viên tốt nghiệp 15 chương trình đào tạo nghề có việc làm trong vòng 6 tháng kể từ ngày tốt nghiệp, trong đó 40% là nữ Đến năm 2017, 100% giảng viên của dự án phát triển Đại học Công nghệ và Khoa học Hà Nội có trình độ Tiến sỹ, trong đó 20% là nữ. Đến năm 2016, 90% của số học viên tốt nghiệp có việc làm, trong đó 35% là nữ, hoặc sẽ tiếp tục học nâng cao |

PISA = Chương trình Đánh giá Sinh viên Quốc tế (do Tổ chức Phát triển và Hợp tác Kinh tế tổ chức).

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á.